



huài dàn

坏蛋

noun · bad egg, villain

Example Sentences

nà ge huài dàn tōu zǒu le wǒ de qián bāo
那个坏蛋偷走了我的钱包。

That villain stole my wallet.

diàn yǐng lǐ de huài dàn zuì hòu bèi zhuā zhù le
电影里的坏蛋最后被抓住了。

The villain in the movie was finally caught.

Trace each character, then write the word on your own.

坏	坏	坏	坏	坏	坏	坏	坏	坏	坏
蛋	蛋	蛋	蛋	蛋	蛋	蛋	蛋	蛋	蛋
蛋	蛋	蛋							